TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 06 - 2026
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A- CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Thị Loan** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực A- Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Châu Hoa Đăng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực A- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2026/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Võ Hồng N**, sinh ngày 05/6/1980. Địa chỉ: Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn K, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Hồng N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Phạm Văn K tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân phường G, tỉnh Cà Mau) vào ngày 01 tháng 3 năm 2014. Trong cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không hàn gắn được, bà và ông K không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông K.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà và ông K có 01 con chung tên Phạm Võ Ngọc Q sinh ngày 15 tháng 02 năm 2014 hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh.

- *Về cấp dưỡng*: Bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Do tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N. Tiếp tục giao con chung cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Võ Hồng N khởi kiện bị đơn ông Phạm Văn K có địa chỉ tại Khóm A, phường G, tỉnh Cà Mau nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực A- Cà Mau.

[3] Do bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bà N, ông K là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Bà Võ Hồng N và ông Phạm Văn K tự nguyện tiến đến hôn nhân với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân phường G, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01 tháng 3 năm 2014 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà N xác định trong cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không hàn gắn được, bà và ông K không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông K.

[5] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Xét thấy: Mối quan hệ hôn nhân của bà N và ông K không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa nhưng ông K không đến. Việc ông K không đến Tòa án đã thể hiện ý chí không muốn hàn gắn tình cảm với bà N. Do đó, không có điều kiện để bà N và ông K hàn gắn tình cảm, khả năng đoàn tụ là không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Hồng N và ông Phạm Văn K.

[6] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống bà N và ông K có 01 con chung tên Phạm Võ Ngọc Q sinh ngày 15 tháng 02 năm 2014 hiện đang sống cùng bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ đều có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn nếu giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Quá trình làm việc cháu Quỳnh có nguyện vọng được sống cùng bà N. Phía ông K không đến Tòa án đã thể hiện ý chí không có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Quỳnh cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[7] *Về cấp dưỡng*: Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[10] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Hồng N. Cho bà Võ Hồng N ly hôn với Phạm Văn Khuân.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao con chung là cháu Phạm Võ Ngọc Q sinh ngày 15 tháng 02 năm 2014 cho bà Võ Hồng N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Phạm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng*: Bà Võ Hồng N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, bà Võ Hồng N phải chịu. Bà Võ Hồng N đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004634 ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu toàn bộ.

Ông Phạm Văn K không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực A - Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND phường G, tỉnh Cà Mau;
(GCNKH số: 33 ngày 01/3/2014)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Nhi